BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 42 (16/10-20/10/23)

Chỉ số DXY và tác động đến Việt Nam

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tăng tỷ trọng cổ phiếu ở nhịp rung lắc*

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Chỉ số DXY và tác động đến Việt Nam*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV hút ròng hơn 65 nghìn tỷ trong tuần*

4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index đã xác lập vùng đáy và có cơ hội quay lại xu hướng tăng điểm trung hạn*

5. TIN VĨ MÔ: *Lạm phát tháng 9/2023 của Hoa Kỳ cao hơn dự kiến*

6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dầu khí +6.22%*

7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

BSC
BIDV SECURITIES JSC

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Tăng tỷ trọng cổ phiếu ở nhịp rung lắc*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	**1154.73**	**2.32%**
GTGD/phiên (tỷ VND)	13,914.88	-4.96%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1905.55	
HNX-INDEX	**239.05**	**3.73%**
GTGD/phiên (tỷ VND)	1871.10	7.04%
Khối ngoại (tỷ VND)	153.07	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4327.78	-0.50%	0.45%	-2.75%
EU (EURO STOXX	4136.12	-1.48%	-0.20%	-3.70%
China (SHCOMP)	3088.10	-0.64%	-0.72%	-0.95%
Japan (NIKKEI)	32315.99	-0.55%	4.26%	-3.63%
Korea (KOSPI)	2456.15	-0.95%	1.97%	-5.58%
Singapore (STI)	3185.79	-1.02%	0.36%	-2.89%
Thailand (SET)	1450.75	0.00%	0.86%	-5.92%
Phillipines (PCOMP)	6266.34	0.05%	0.10%	2.29%
Malaysia (KLCI)	1444.14	0.02%	1.92%	-1.02%
Indonesia (JCI)	6926.78	-0.12%	0.56%	-0.80%
Vietnam (VNIndex)	1154.73	0.27%	2.32%	-5.92%

TTCK VIỆT NAM

Thị trường có dấu hiệu qua đáy cho dù thanh khoản thấp

VN-Index tăng 2.3% kết thúc 4 tuần giảm điểm với thanh khoản thấp. Khối ngoại bán ròng và thông tin xung đột ở nhiều khu vực không cản được đà hồi phục của chỉ số. Thanh khoản dù vậy tiếp tục giảm tuần thứ 4 cho thấy tâm lý thận trọng và thị trường vẫn đang hồi phục trong nghi ngờ. VN-Index tăng điểm trên diện rộng với 71% và 19/19 ngành tăng điểm. Dầu khí, hóa chất, dịch vụ giải trí và dịch vụ tài chính tăng trên 4%. Xu hướng vận động theo ngành xuất hiện nhưng không rõ rệt do thanh khoản thấp. Vận động theo nhóm cổ phiếu có KQKD tích cực đang là điểm sáng tuần qua. Thị trường có hơn 20 công ty công bố KQKD quý III và các cổ phiếu ngành nông nghiệp, mía đường đang có KQKD tích cực. VN-Index đang có cơ hội kiểm tra cản 1.170 điểm qua đó xác nhận lại lại xu hướng tăng điểm trong tuần tới.

Đại diện NHNN cho biết SBV đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, tăng khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế. Lãi suất cho VND giảm bình quân 1.5-2% so với cuối năm 2022 và dự kiến tiếp tục giảm do có độ trễ chính sách. Tỷ giá lên xuống nhưng vẫn trong khuôn khổ mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4.5%. Tính đến cuối tháng 9/2023, tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế tăng gần 7%. Tăng trưởng tín dụng cải thiện, chỉ riêng tháng 9 và những ngày đầu tháng 10 tăng 1%. Định hướng điều hành tiền tệ đảm bảo ổn định tỷ giá, lãi suất phù hợp diễn biến lạm phát và tăng trưởng cũng như tránh đầu cơ nâng tỷ giá. SBV cũng tập trung tháo gỡ khó khăn cho các tập đoàn và tổng công ty lớn trong các lĩnh vực khác trong đó có BĐS.

TTCK THẾ GIỚI

CPI Hoa Kỳ tháng 9 tăng mạnh hơn dự báo kìm hãm đà hồi phục TTCK

Đà tăng lợi suất trái phiếu và CPI tiêu cực đã dừng chuỗi tăng điểm của TTCK Hoa Kỳ ở 4 phiên tăng điểm liên tiếp. Các chỉ số chứng khoán Hoa Kỳ tăng bình quân 0.9%. Xu hướng phục hồi cũng được ghi nhận ở nhiều TTCK chủ chốt Châu Âu như Anh, Đức, Ý và Nhật Bản (4.2%). Chỉ số DXY tiếp tục tăng thêm 0.3%, duy trì mức tăng với hầu hết các động nội tệ khác. Xung đột Trung Đông và đồng USD mạnh tiếp tục hỗ trợ hàng hóa tăng điểm. Chỉ số hàng hóa tăng 1.36%, trong đó giá dầu tăng 3.7%, kim loại quý cũng tăng mạnh (Vàng+3.1%, Bạc +2.7%). NĐT đang phân vân giữa việc FED không tăng lãi suất và các dữ liệu vĩ mô không thuận lợi cùng với xung đột gia tăng ở nhiều khu vực.

Các quan chức FED trong biên bản FOMC dự báo kinh tế mạnh hơn dự báo tháng 7 do chi tiêu doanh nghiệp và người tiêu dùng ổn định. Hầu hết các thành viên thấy rủi ro lạm phát tăng cao. Lãi suất điều hành ở gần mức đỉnh, trọng tâm cần chuyển sang duy trì lãi suất trong thời gian dài thay vì tăng lãi suất hơn nữa. Thu hẹp bảng CĐKT tiếp tục diễn ra ngay khi cắt giảm lãi suất bắt đầu. Các thành viên nhấn mạnh sự bất định trong tương lai nền kinh tế, cần tiến hành cẩn trọng xác định mức độ thắt chặt bổ sung dựa trên các dữ liệu. Chủ tịch FED khu vực Atlanta sau đó cũng cho rằng FED không cần có thêm 1 đợt tăng lãi suất và chính sách hiện tại đủ để lạm phát về mức mục tiêu 2%. Những thông điệp này cho thấy khả năng FED sẽ không tăng thêm LS mà sẽ duy trì lãi suất hiện tại trong thời gian dài hơn.

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Chỉ số DXY và tác động đến Việt Nam*

1. Hệ thống tiền tệ quốc tế và lịch sử hình thành chỉ số DXY

- Hệ thống tiền tệ quốc tế là tập hợp các quy tắc, thể lệ, định chế điều chỉnh các quan hệ tài chính - tiền tệ giữa các quốc gia, nhằm bảo đảm thực hiện các giao dịch thanh toán quốc tế, bảo đảm sự ổn định và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế nói chung. Hệ thống tiền tệ quốc tế được hình thành từ cuối thế kỉ XIX và cho đến nay đã phát triển qua các giai đoạn: Hệ thống bản vị vàng (1875-1914), Hệ thống bản vị vàng – hối đoái (1922-1939), Hệ thống Bretton-Woods (1945-1973).

- Sau sự sụp đổ của hệ thống Bretton-Woods, bản vị vàng được từ bỏ và đồng USD được thả nổi trên thị trường ngoại hối, và chỉ số DXY được ra đời nhằm đánh giá sức mạnh của đồng USD.

2. Chỉ số DXY là gì

- Chỉ số DXY: Chỉ số DXY còn gọi là chỉ số USD Index (ký hiệu là DX, DXY, USDX) là một loại thước đo giá trị sức mạnh đồng đô la Mỹ so với 6 loại tiền tệ của những quốc gia đang là đối tác thương mại lớn của Hoa Kỳ, bao gồm: Euro (EUR), Yên Nhật (JPY), Bảng Anh (GBP), Đô la Canada (CAD), Kronor Thụy Điển (SEK), Franc Thụy Sĩ (CHF).

- USD Index được tính toán từ tỷ giá hối đoái của 6 đồng tiền tệ khác (đi kèm với tỷ trọng cấu thành USD Index) là: EUR 57.6%, JPY 13.6%, GBP 11.9%, CAD 9.1%, SEK 4.2%, CHF 3.6%.

3. Một số giai đoạn biến động chính của DXY

- Giai đoạn 1980-1985: Chu kỳ đi lên của chỉ số DXY bắt đầu vào khoảng năm 1980, khi nền kinh tế thế giới thoát ra khỏi một trong những thập kỷ địa chính trị khắc nghiệt nhất của những năm 1970. Từ năm 1980 đến năm 1985, chỉ số Đô la Mỹ đã tăng hơn 50% khi các nền kinh tế Mỹ Latinh bắt đầu vỡ nợ. Khi đồng tiền của các nền kinh tế Mỹ Latinh sụp đổ, đồng đô la Mỹ đã bắt đầu tăng giá.

- Giai đoạn 1994-2000: Đợt phục hồi lớn thứ hai của chỉ số DXY bắt đầu vào khoảng năm 1994 khi Fed bắt đầu tăng lãi suất. Điều này cùng với sự phục hồi lớn của một số cổ phiếu công nghệ đã đưa đồng USD tăng giá suốt cho đến tận năm 2000. Tuy nhiên một lần nữa, đà tăng của đồng USD lại biến mất sau vụ phá sản công nghệ và vụ khủng bố 11/9 đã làm trầm trọng thêm sự sụt giảm của đồng USD. Cho đến cuộc khủng hoảng tài chính 2008, chỉ số USD Index đã thực sự chạm mức thấp nhất lịch sử, và suy thoái lúc đó thực sự lan rộng trên toàn thế giới.

- Giai đoạn 2011-2016: bắt đầu từ năm 2011, chỉ số DXY bắt đầu tăng trở lại. Sự tăng giá của USD nhờ vào 2 yếu tố chính:

• Vào năm 2011, hầu hết các nền kinh tế Nam Âu đều lâm vào tình trạng khó khăn do vay nợ quá mức. Mà tất cả các nền kinh tế này đều là một phần của đồng EUR, nên họ phải được bảo lãnh, dẫn đến sự suy yếu của đồng EUR và USD mạnh lên.

• Fed lần đầu tiên đề cập đến việc giảm bớt việc mua trái phiếu của họ vào năm 2013 và bắt đầu tăng lãi suất vào năm 2015. Năm 2016 đánh dấu đồng USD chạm mức cao nhất trong vòng 13 năm qua bên cạnh niềm tin FED tiếp tục tăng lãi suất cùng với việc ông Donald Trump đắc cử Tổng thống Hoa Kỳ với lời hứa tăng chi tiêu cho cầu đường và công nghiệp cũng khiến các nhà đầu tư lạc quan về tốc độ tăng trưởng trong tương lai và đẩy đồng USD tăng cao.

- Giai đoạn 2022-2023: Năm 2022 đánh dấu thời điểm chỉ số DXY tăng rất mạnh. Lý do chính của việc này là lạm phát của Hoa Kỳ tăng lên mức cao kỷ lục. Để kiềm chế lạm phát, Cục Dự trữ Liên bang (FED) đã tăng lãi suất. FED đã nâng lãi suất lên 11 lần kể từ T10/2022 cho đến thời điểm hiện tại đã khiến các nhà đầu tư bắt đầu theo đuổi các khoản đầu tư bằng đồng tiền này để thu lợi nhiều hơn, khiến nhu cầu USD tăng mạnh, đẩy giá trị của đồng USD lên cao. Đà tăng của đồng USD càng có cơ sở để củng cố khi thị trường tin rằng FED sẽ giữ chính sách tiền tệ ở trạng thái thắt chặt trong năm 2024. Động thái của FED cùng với sự vững vàng của nền kinh tế Hoa Kỳ trong khi kinh tế Châu Âu và Trung Quốc gây thất vọng sẽ là cơ sở để đồng USD có nhiều khả ***năng tiếp tục tăng giá trong ngắn hạn*** .

Đồ thị 01. Diễn biến chỉ số DXY

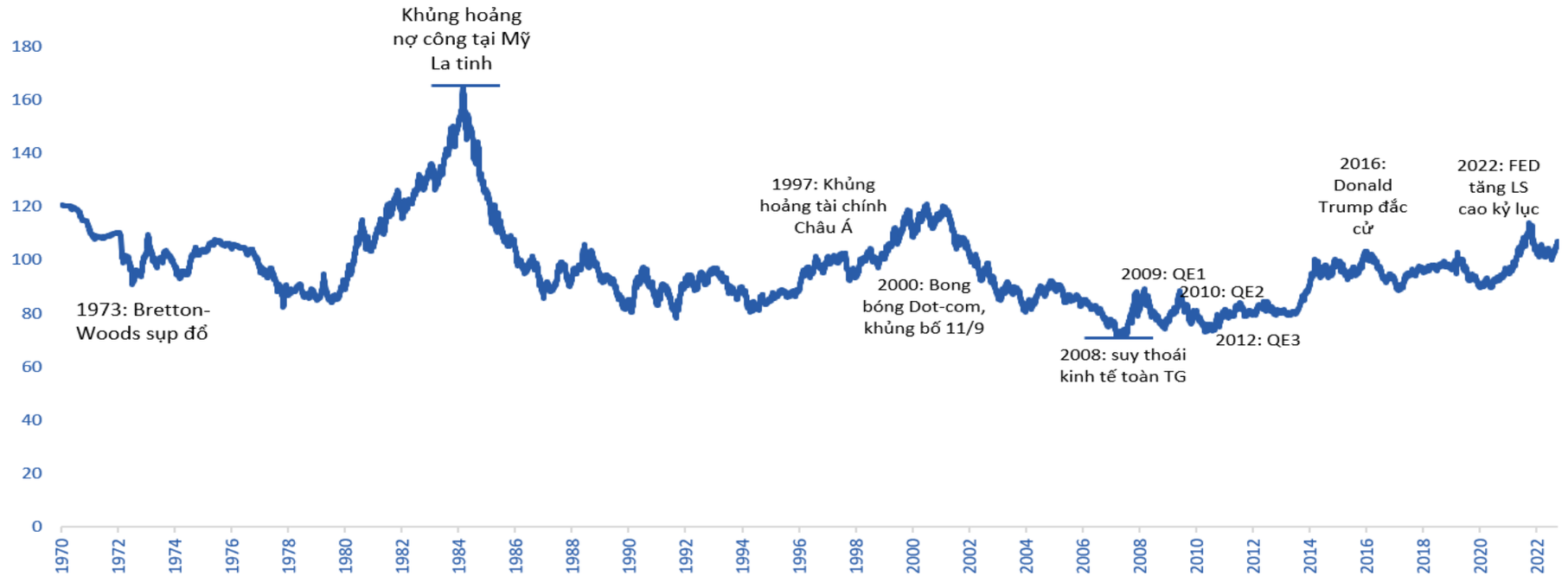

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

4. Một vài nhân tố ảnh hưởng đến chỉ số DXY

- Chính sách tiền tệ của FED: Khi FED tăng lãi suất sẽ khiến đầu tư bằng đồng USD hấp dẫn hơn so với các đồng tiền khác khiến nhu cầu USD tăng và làm chỉ số DXY tăng và ngược lại *(Đồ thị 02)* .

- Tất cả những nhân tố hưởng đến cung/cầu của các đồng tiền trong rổ tính DXY đều sẽ ảnh hưởng đến chỉ số DXY. Với xu hướng suy yếu của kinh tế Châu Âu, Nhật và Anh (đồng tiền của 3 khu vực này chiếm tỷ trọng lớn trong công thức tính chỉ số DXY) thì đều có ảnh hưởng khiến đồng USD mạnh lên. Ngoài xu hướng giảm giá của đồng EUR, JPY và GDP thì các đồng tiền khác như THB (đồng Baht Thái) và CNY (đồng Nhân dân tệ) cũng đang trong xu hướng giảm giá với đồng USD *(Đồ thị 03)* .

- Tình hình kinh tế, địa chính trị: Khi nền kinh tế Hoa Kỳ phát triển và tăng trưởng mạnh sẽ khiến lợi nhuận doanh nghiệp tăng cao, làm nhu cầu về USD sẽ lớn, thúc đẩy giá trị đồng tiền đó tăng lên. Ngoài ra, kinh tế tăng trưởng tốt còn kéo theo nhu cầu đầu tư và sử dụng đồng USD như ngoại tệ trú ẩn an toàn cũng khiến giá trị của đồng USD tăng. Thêm vào đó, căng thẳng địa chính trị đang diễn ra giữa Israel và Palestine ở Trung Đông có thể khiêns các nhà đầu tư tìm đến USD như một nơi trú âne an toàn thay vì các đồng tiền khác.

- Tâm lý của các nhà đầu tư trên thị trường: Khi tâm lý của các nhà đầu tư trở nên tích cực thì sự đồng thuận của thị trường chung trở nên tích cực hơn và thúc đẩy đà tăng giá của đồng USD và ngược lại.

Đồ thị 02. Diễn biến DXY và lãi suất Hoa Kỳ

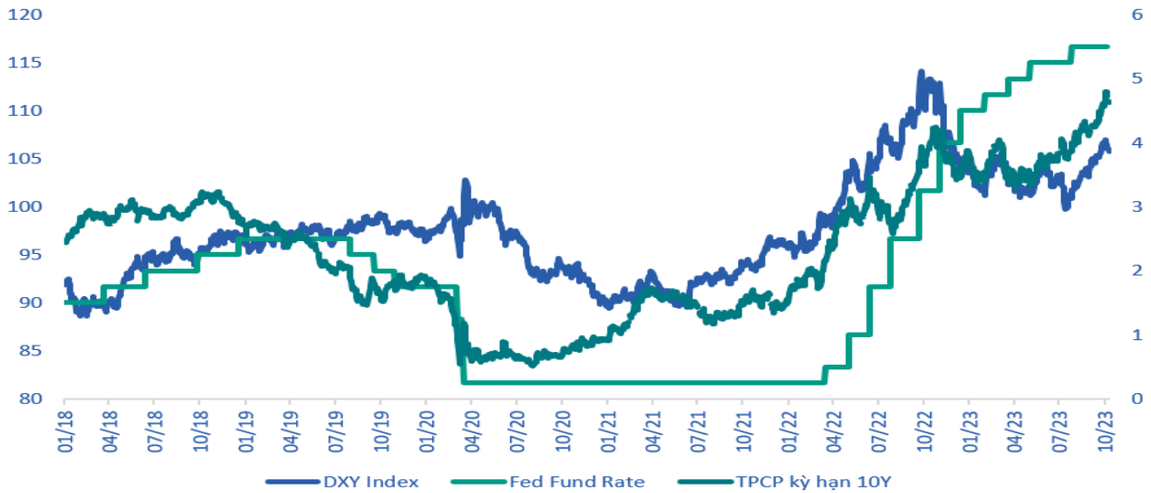

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 03. Diễn biến tỷ giá USD so với các nước

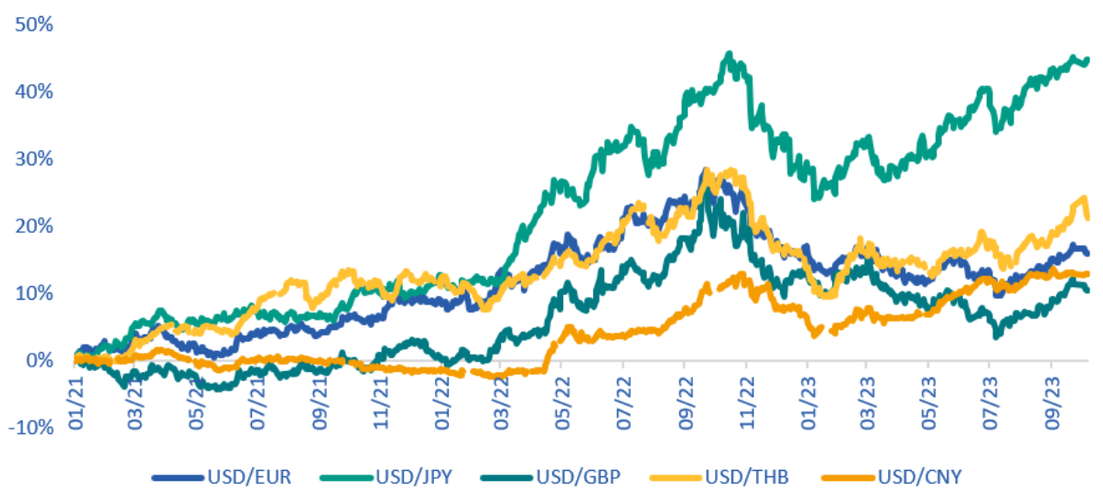

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

5. Ảnh hưởng của diễn biến chỉ số DXY đến Việt Nam

- Ảnh hưởng đến tỷ giá và chính sách tiền tệ của Việt Nam: khi lạm phát của Hoa Kỳ tăng cao, FED sẽ tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát dẫn đến các nhà đầu tư bắt đầu theo đuổi các khoản đầu tư bằng USD để thu lợi nhiều hơn, khiến nhu cầu USD tăng mạnh, chỉ số DXY tăng khiến VND bị giảm giá trị so với USD dẫn đến áp lực về tỷ giá và NHNN cần can thiệp chính sách tiền tệ để điều hành tỷ giá.

Đồ thị 04. Diễn biến DXY và tỷ giá USDVND

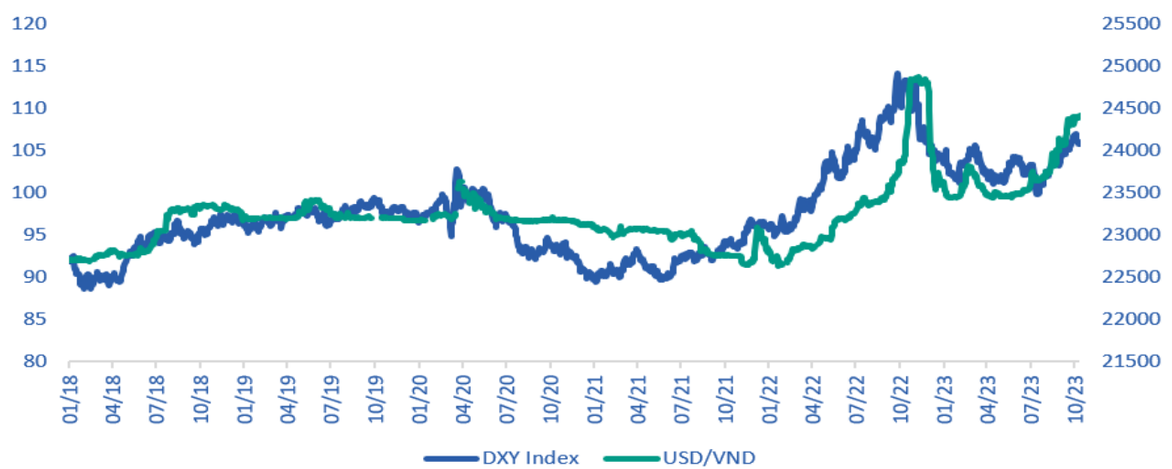

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Tác động của việc tăng tỷ giá USD/VND đối với các nhóm ngành và cổ phiếu trên thị trường chứng khoán:

Bảng 01. Tác động của việc tăng tỷ giá USD/VND đối với các nhóm ngành và cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

Ngành	Đánh giá ảnh hưởng	Tỷ trọng xuất khẩu	Cổ phiếu lưu ý
Thuỷ sản	Tích cực	81%	MPC, VHC,IDI, FMC,ANV,CMX,ACL
Hoá chất	Tích cực	62%	DGC,DDV
Sắt thép	Trung lập	39%	HPG: ảnh hưởng tiêu cực do HPG có tỷ trọng xuất khẩu trên tổng sản lượng chỉ ở mức 20%, trong khi 70% nguyên liệu nhập khẩu. HSG,NKG: Trung lập, do tỷ trọng xuất khẩu khá cao.
Dầu khí	Tích cực	31%	PVT
Phân bón	Tích cực	18%	DPM, DCM
Gạo	Tích cực	22%	VSF, AGM, TAR, NSC
Nhựa	Trung lập	23%	AAA: Nhập khẩu nguyên liệu nhựa từ nước ngoài, và xuất khẩu sản phẩm (chủ yếu sang EU). Không hưởng lợi nhiều do phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu, sản lượng xuất khẩu giảm do suy thoái và đồng EUR mất giá mạnh.
Dệt may	Tích cực	82%	TNG,HTG,TCM,STK,EVE
Săm lốp	Tích cực	56%	DRC
Công nghệ	Tiêu cực	37%	FPT: Tỷ trọng thị trường có đồng tiền mất giá (Nhật/ EU) lớn hơn. CMG: Thị trường chủ yếu (Nhật, Hàn) đều mất giá

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị ròng
Tuần 38	18/09/2023	22/09/2023	20,000	0	-20,000
Tuần 39	25/09/2023	29/09/2023	73,800	0	-73,800
Tuần 40	02/10/2023	06/10/2023	46,900	0	-46,900
Tuần 41	09/10/2023	13/10/2023	65,000	0	-65,000

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng

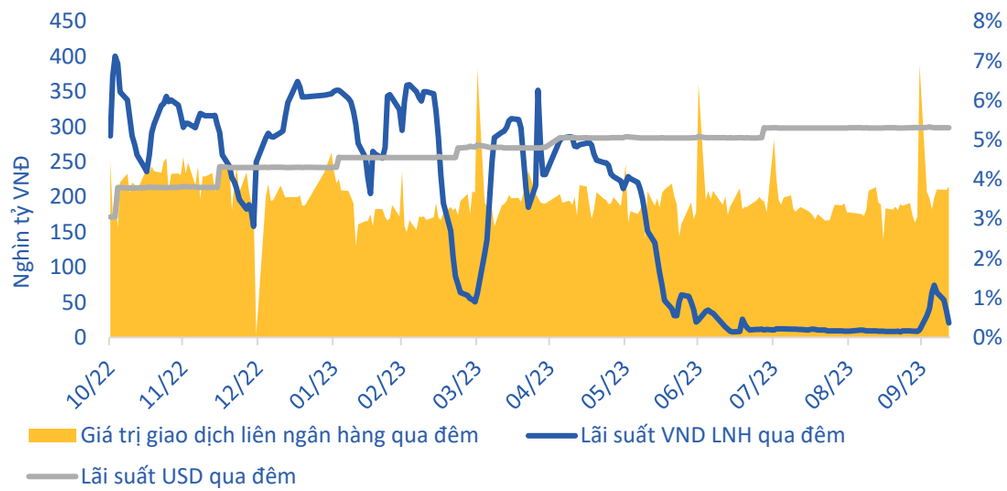

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.66%	0.90%	1.22%	1.72%	3.54%	4.78%	6.94%
So với tuần trước	-0.32%	-0.27%	-0.24%	-0.15%	0.17%	0.05%	-0.08%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	211,881.33	12,829	3,518	7,241	4,043	77	5
So với tuần trước	6.16%	42.66%	1.78%	108.92%	115.68%	-33.45%	-95.77%

** Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 11/10/2023*

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 41, SBV đã hút ròng 65 nghìn tỷ đồng qua OMOs.
- Bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm so với tuần trước với thanh khoản tăng.

PTKT VN-INDEX: *VN-Index đã xác lập vùng đáy và có cơ hội quay lại xu hướng tăng điểm trung hạn*

Đồ thị ngày: VN-Index duy trì đà hồi phục sau phiên tăng điểm tạo gap giá 10/10. Các cây nến giao dịch đều có thân nến rộng và thanh khoản thấp cho thấy diễn biến giằng co và tâm lý thận trọng vẫn đang hiện hữu. Dải bollinger band thu hẹp nhẹ và chỉ số đang tiến về sát SMA20 tại 1,160 điểm hàm ý xu hướng thị trường đã ổn định trở lại sau nhịp bán tháo tuần trước. Các chỉ báo kỹ thuật dần hồi phục hướng về vùng trung tính.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI duy trì đà tăng từ mức 37 lên 46 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu từ dưới lên và thu hẹp với mức 0. Thanh khoản giảm 10% so tuần trước và ghi nhận mức giảm tuần thứ 4 liên tiếp.
- VN-Index tiến gần đến các đường trung bình động SMA20 và 100 và giữ trên SMA200 đồ thị ngày.

Kết luận: VN-Index đã thoát khỏi vùng quá bán, hướng về ngưỡng trung tính của vùng tích lũy. Chỉ số đã tạo vùng an toàn và nhiều khả năng đã xác lập đáy trong ngắn hạn. Tuy nhiên VN-Index cần vượt 1,170 điểm với thanh khoản đột biến để quay lại xu hướng tăng điểm. VN-Index tuần sau có cơ hội tiếp tục hồi phục hướng về vùng cản 1,160 – 1,170 điểm, tập trung các đường SMA ngắn, trung hạn, đáy đỉnh và Fibonacci 23.8% của chu kỳ trung hạn. TT quay lại xu hướng tăng điểm hay tích lũy lại dưới 1,170 điểm sẽ phụ thuộc và những phiên giao dịch chỉ hướng trong tuần tới.

Đồ thị

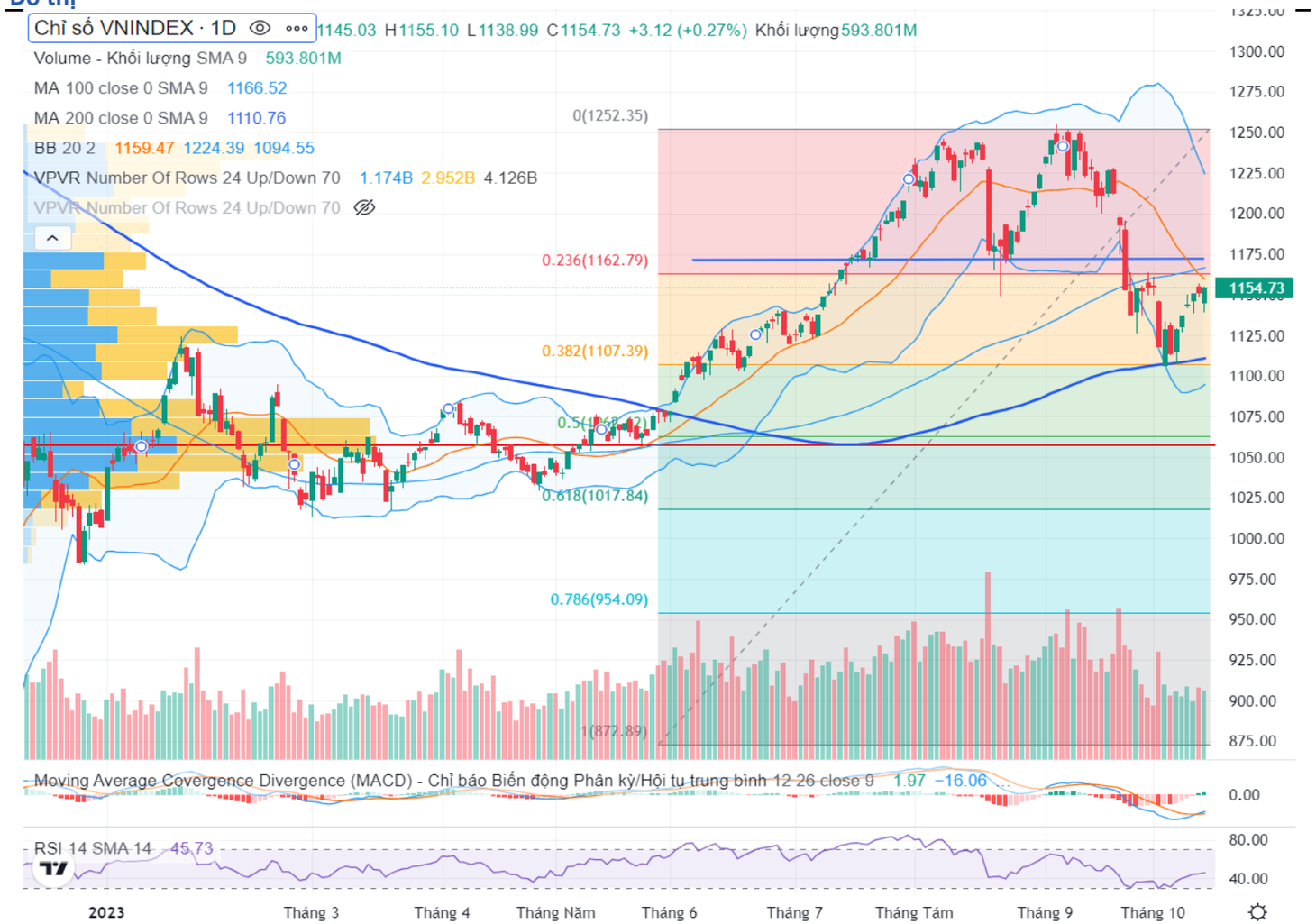

Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *Lạm phát tháng 9/2023 của Hoa Kỳ cao hơn dự kiến*

VIỆT NAM:

• Chính phủ: Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Chương trình phục hồi kinh tế - xã hội đến hết năm 2025 vì ước năm 2023 mới chỉ giải ngân được 33,840 tỉ đồng, tương đương 19.3% kế hoạch khoảng 175,217 tỉ đồng.
• Chính phủ: Đề xuất tăng hơn 16,000 tỷ đồng cho vay hỗ trợ việc làm, nâng tổng số kế hoạch vốn bố trí để thực hiện chính sách này là 26,100 tỷ đồng.
• Chính phủ: Dự kiến nhu cầu huy động vốn từ các nguồn vay trong nước và vay ODA, vay ưu đãi năm 2023 khoảng 604,379 tỷ đồng (bằng 93.8% kế hoạch).
• Chính phủ: Dự kiến cuối năm 2023, nợ công ở mức 40% – 41% GDP.
• Thống đốc NHNN: Tỷ lệ nợ xấu của lĩnh vực BĐS đang có chiều hướng gia tăng so với thời điểm cuối năm trước (tháng 7-2022 là 1.8%, tháng 7-2023 là 2.58%).
• Bộ Giao thông vận tải: Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đi qua hai tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu với chiều dài gần 52 km, kinh phí hơn 3,900 tỷ đồng.
• Tổng cục Thuế: Trong 9T2023, Google, Facebook, Apple... đã nộp thuế hơn 5,800 tỷ đồng qua cổng thông tin điện tử.

THẾ GIỚI:

• Fed: Trong biên bản cuộc họp tháng 9, giới chức Fed nhất trí giữ lãi suất ở mức cao trong một thời gian đủ lâu để đưa lạm phát về 2%.
• Quan chức BOE: Nêu quan điểm không cần tăng lãi suất điều hành thêm ở Anh do nước này chỉ hấp thụ được khoảng 20 – 25% tác động của việc tăng lãi suất. Việc tăng lãi suất thêm sẽ khiến nền kinh tế chuyển sang chiều hướng tiêu cực hơn.
• Hoa Kỳ: Tháng 9/2023, CPI +0.4% MoM (+3.7% YoY), cao hơn dự báo của các chuyên gia kinh tế ở mức +0.3% MoM (+3.6% YoY).
• Hoa Kỳ: PPI tháng 9/2023 +2.2% YoY so với +1.6% YoY dự kiến (trước đó: +1.6% YoY).
• Văn phòng Ngân sách Quốc hội Hoa Kỳ (CBO): Thâm hụt ngân sách của nước này trong năm tài chính 2023 (kết thúc vào ngày 30/9 vừa qua) đã lên tới 1,700 tỷ USD, cao hơn 300 tỷ USD so mức thâm hụt của năm tài chính 2022.
• Hoa Kỳ: Số đơn xin thế chấp MBA tuần kết thúc ngày 29/9/2023: +0.6% (trước đó: -6.0%).
• Đức: CPI tháng 9/2023 +4.5% YoY (trước đó: +6.1% YoY).
• Trung Quốc: Sẽ tổ chức Diễn đàn hợp tác quốc tế Vành đai và Con đường lần thứ 3 vào ngày 17-18/10/2023.
• Nhật Bản: PPI tháng 9/2023 -0.3% MoM (+2.0% YoY), thấp hơn dự kiến +0.1% MoM (+2.3% YoY) (trước đó: +0.3% MoM, +3.2% YoY).

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

• KQKD KQKD quý III của các công ty niêm yết.
• 16/10, FDI Trung Quốc; Khảo sát triển vọng kinh doanh NHTW Canada. 17/10, Biên bản chính sách tiền tệ NHTW Australia; CPI Canada; Doanh thu bán lẻ và sản xuất công nghiệp Hoa Kỳ. 18/10, GDP, doanh thu bán lẻ, chỉ số thất nghiệp và công nghiệp Trung Quốc; CPI Anh, EU và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 19/10, Báo cáo beige book, đơn xin trợ cấp thất nghiệp và doanh thu bán nhà qua sử dụng Hoa Kỳ. 20/10, Doanh thu bán lẻ Anh và Canada.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Dầu khí	0.40%	6.22%	-3.76%	PLX	-6.67%		
Hóa chất	1.99%	5.27%	1.50%	DRC	0.00%	DGC	1.60%
Dịch vụ tài chính	-0.15%	4.15%	-8.61%	SSI	3.62%	HCM	-2.29%
Công nghệ Thông tin	-0.34%	3.74%	-2.16%	FPT	-0.11%	CMG	-0.63%
Xây dựng và Vật liệu	0.65%	3.57%	-2.84%	CTD	7.74%	HT1	1.83%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	87.69	5.77%	1.52%	-2.59%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	90.89	5.69%	3.11%	-2.31%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	226.53	4.63%	1.22%	-14.48%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1932.8199	3.42%	3.84%	0.46%		PNJ
Bạc	USD/oz.	22.7202	4.08%	3.84%	-1.37%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1280.25	-0.76%	1.27%	-4.48%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	579.75	1.44%	1.22%	-4.05%		AFX
Sữa	USD/cwt	17.41	0.64%	-0.51%	-5.02%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	256.9	2.97%	11.21%	7.62%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	27.03	2.58%	-0.55%	-0.48%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	154.9	3.75%	6.06%	-2.67%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	7949	-0.53%	-1.91%	-5.43%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3619	0.08%	-0.63%	-5.16%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2199.5	-0.02%	-1.87%	0.43%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	838	0.96%	0.54%	-4.01%		HPG
Than đá	USD/MT	150.75	0.84%	3.36%	-10.85%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	3723	0.16%	-0.67%	-4.32%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG

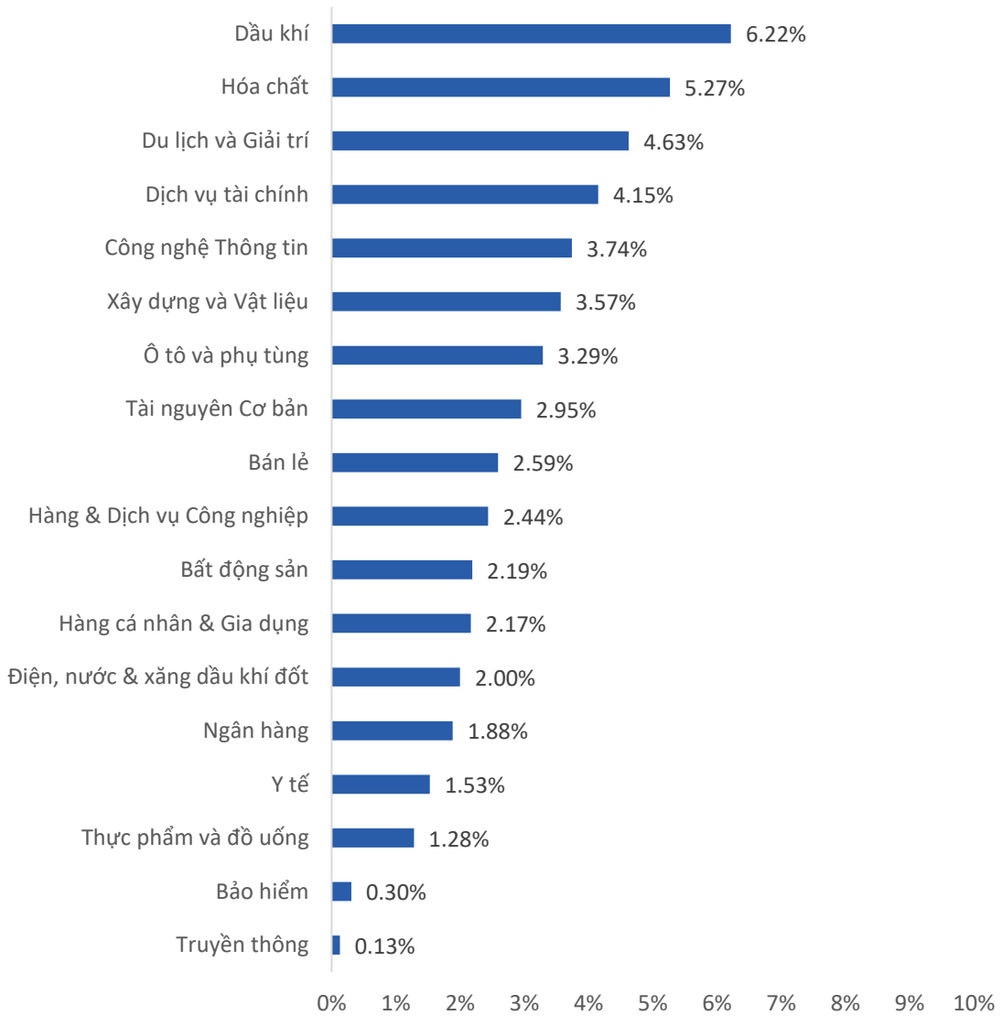

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
VPB	0.05%	1.72
VCB	0.01%	1.71
GVR	0.06%	1.23
HPG	0.03%	1.19
FPT	0.04%	1.10
VHM	0.02%	0.95
VJC	0.07%	0.94
VNM	0.02%	0.85
ACB	0.04%	0.84
GAS	0.02%	0.78
Tổng		11.31

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
BCM	-0.04%	-0.74
OCB	-0.02%	-0.09
PTB	-0.07%	-0.07
VRE	0.00%	-0.06
BIC	-0.06%	-0.04
SJS	-0.02%	-0.04
BWE	-0.01%	-0.03
TMS	-0.02%	-0.03
BHN	-0.01%	-0.02
ACG	-0.01%	-0.02
Tổng		-1.14

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
IDC	132.62	
STB	63.07	
DGC	56.69	
KDH	50.63	
VCI	39.23	
VND	35.33	
DGW	28.31	
VCB	27.84	
HHV	26.11	
PVS	24.39	
Tổng	484.21	

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
MWG	-361.44	
FUEVFVN	-346.35	
VPB	-212.54	
HPG	-166.14	
VHM	-138.68	
FPT	-95.29	
POW	-92.32	
MSN	-88.81	
GAS	-87.68	
VIC	-79.08	
Tổng	-1668.33	

Vận động cổ phiếu VN30

FPT	112.2031	104.5378	24.55%
GAS	101.0297	105.5672	6.07%
SSI	115.6243	100.5701	17.89%
STB	104.4198	101.922	3.86%
VNM	101.5081	103.9973	5.60%
ACB	97.63574	100.195	-0.91%
BID	95.19226	100.3872	-8.76%
BVH	92.13023	100.6846	-10.47%
CTG	99.4247	101.7508	-3.20%
HDB	98.75304	101.2328	0.59%
MSN	95.82459	100.2303	-8.55%
SAB	91.08351	103.1541	-9.14%
VJC	95.50254	103.1559	3.30%
VPB	98.45148	100.3447	6.62%
VRE	96.12765	101.3061	-2.31%
GVR	105.6976	96.63899	-6.05%
HPG	103.8257	97.07921	-7.59%
MBB	102.0263	99.23359	-0.61%
MWG	109.2994	99.87731	-0.69%
SHB	103.3022	95.77939	-12.01%
TCB	100.8949	99.66862	1.26%
BCM	86.57317	98.67464	-13.45%
PLX	95.33984	99.63545	-10.28%
POW	90.08564	97.52289	-15.47%
SSB	94.83804	97.56778	-16.38%
TPB	98.1006	98.64148	-10.64%
VCB	99.86131	99.31732	-3.95%
VHM	92.26853	92.88963	-16.42%
VIB	99.65099	98.55295	-8.78%
VIC	99.31172	99.77802	-11.63%

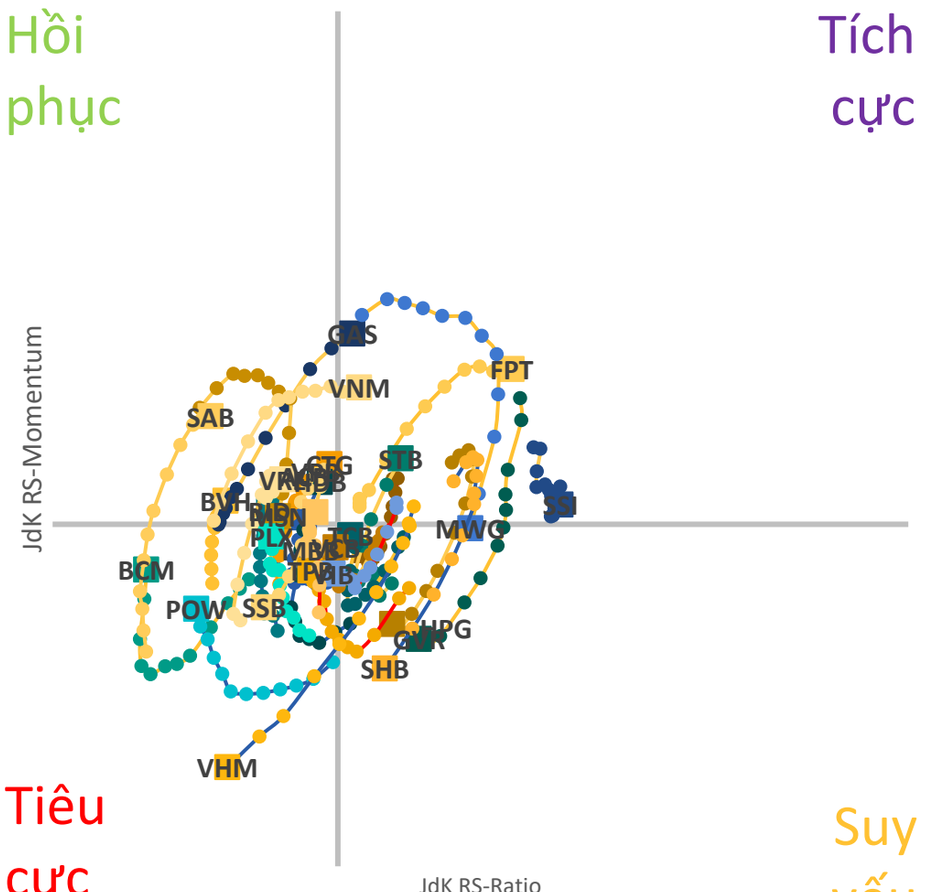

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- *Tích cực → nên trong danh sách mua*
- *Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm*
- *Tiêu cực → nên trong danh sách tránh*
- *Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng*

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

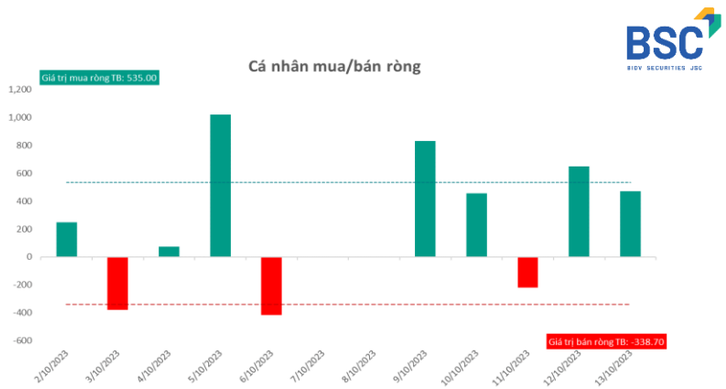

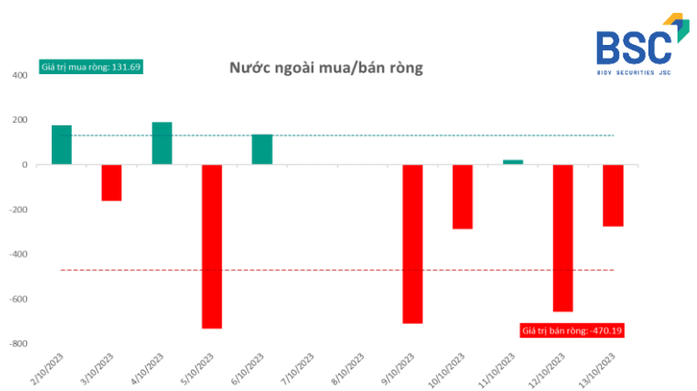

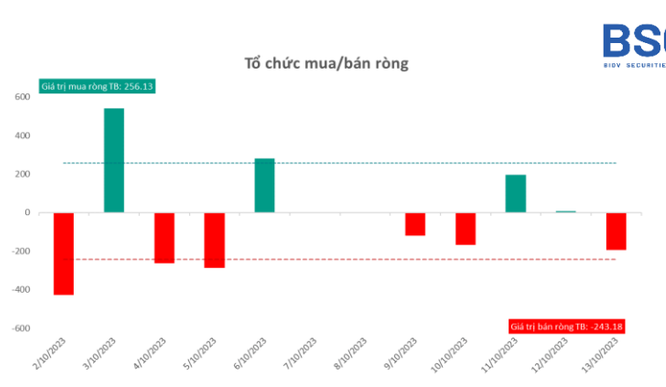

Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUEVFVND	12,511,700	325.74	SGN	3,414,020	-240.69	STB	2,001,452	63.07	MWG	7,393,626	-361.44	MWG	7,654,596	374.91	STB	6,710,525	-210.81
E1VFVN30	2,205,200	43.82	FPT	996,300	-94.01	DGC	577,010	56.69	FUEVFVND	13,285,834	-346.35	HPG	12,505,036	320.71	VND	3,822,290	-83.23
VNM	422,900	32.30	VPB	3,247,001	-68.80	KDH	1,686,230	50.63	VPB	9,867,556	-212.54	VPB	14,334,757	307.81	MBB	4,362,548	-80.44
FRT	230,800	22.19	MWG	1,038,700	-50.27	VCI	935,198	39.23	HPG	6,518,436	-166.14	FPT	2,302,330	219.50	VCI	1,798,398	-75.22
POW	1,517,363	16.66	VCB	553,185	-47.37	VND	1,622,590	35.33	VHM	2,930,758	-138.68	VHM	3,368,689	159.13	SZC	1,336,800	-51.57
PDR	644,700	16.43	TCB	1,371,200	-44.18	DGW	463,160	28.31	FPT	990,730	-95.29	MSN	1,985,277	144.75	ACB	2,163,985	-49.96
FUESSVFL	779,800	14.50	PNJ	527,500	-41.93	VCB	317,317	27.84	POW	8,284,010	-92.32	VIC	2,744,350	125.88	GEG	2,945,400	-47.71
GEX	588,300	12.51	GMD	606,400	-40.05	HHV	1,481,904	26.11	MSN	1,215,877	-88.81	GAS	1,214,580	104.46	GMD	607,281	-40.40
CTG	306,080	9.37	VIC	668,000	-30.70	GMD	312,481	20.98	GAS	1,019,339	-87.68	KBC	3,089,400	98.60	PTB	647,900	-37.61
DCM	182,300	6.70	HDB	1,725,590	-29.81	PC1	491,825	16.50	VIC	1,719,850	-79.08	SAB	1,399,380	96.11	DGC	319,510	-31.35

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	86.6	0.70%	0.90	19,804.00	2.30	5,797.00	14.90	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	42.5	0.80%	0.70	8,796.00	1.80	4,025.00	10.60	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	22	0.50%	1.00	6,056.00	12.30	1,727.00	12.70	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	32.2	-0.90%	1.60	4,634.00	2.60	5,059.00	6.40	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	18.4	0.50%	1.40	3,936.00	4.40	3,496.00	5.30	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	31.5	-0.30%	1.00	2,430.00	14.60	3,600.00	8.70	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	21.4	2.60%	1.80	3,502.00	3.80	714.00	30.00	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	33.3	2.80%	1.60	1,046.00	17.90	4,368.00	7.60	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	52.5	2.90%	1.70	709.00	12.00	3,969.00	13.20	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	54	2.30%	2.00	991.00	2.80	2,651.00	20.40	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	25.8	-0.20%	2.10	6,126.00	20.60	(328.00)	-78.50	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	46.9	-1.40%	1.40	8,356.00	4.90	10,341.00	4.50	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	27	0.60%	1.10	2,543.00	1.80	1,588.00	17.20	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	32	6.80%	1.80	1,047.00	4.00	1,280.00	25.00	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	34.8	3.00%	1.50	547.00	2.20	1,582.00	22.00	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	99.3	1.40%	1.70	1,543.00	13.30	10,728.00	9.30	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	39.6	1.70%	0.90	634.00	6.50	6,403.00	6.20	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	36.8	1.10%	1.10	796.00	5.60	4,286.00	8.60	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	85.8	-0.20%	0.60	8,063.00	1.50	5,567.00	15.40	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	36.7	0.00%	0.90	1,908.00	2.00	2,125.00	17.30	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	39.9	2.30%	1.10	780.00	15.30	1,953.00	20.40	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	28.4	1.60%	1.30	647.00	9.30	449.00	63.40	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.4	-0.40%	0.70	1,092.00	2.20	602.00	18.90	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	75.8	0.40%	0.40	6,482.00	4.60	3,935.00	19.30	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	72.7	-0.50%	1.10	4,256.00	3.70	916.00	79.40	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	49.5	2.30%	1.80	2,962.00	19.90	1,069.00	46.30	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	79.8	-0.20%	0.70	1,071.00	0.90	5,503.00	14.50	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	82	0.50%	0.70	615.00	2.50	7,080.00	11.60	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	66.1	0.90%	0.60	827.00	2.90	7,470.00	8.80	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	96.1	-0.30%	0.60	4,994.00	9.30	4,573.00	21.00	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	29.3	-1.00%	1.00	5,761.00	1.70	3,664.00	8.00	1.20	27.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	22.6	-0.20%	1.00	3,600.00	4.30	3,722.00	6.10	1.40	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	17.6	0.60%	0.80	2,083.00	5.90	2,765.00	6.40	1.30	20.00%	23.20%
LPB	Ngân hàng	14.2	0.00%	1.10	1,486.00	1.10	1,410.00	10.10	1.50	3.90%	15.90%
VIB	Ngân hàng	19.4	-1.50%	1.40	2,008.00	1.60	3,534.00	5.50	1.50	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	22	-0.20%	1.90	1,096.00	20.30	467.00	47.10	1.80	23.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	17.2	0.30%	1.00	1,554.00	5.30	2,697.00	6.40	1.20	28.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	33.6	-0.10%	1.50	2,058.00	30.20	1,090.00	30.80	2.30	46.10%	9.00%
CII	Xây dựng	18	-3.20%	1.90	209.00	6.90	318.00	56.60	7.30	8.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	12.9	-0.80%	1.80	-	0.90	445.00	29.00	1.30	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	54.9	2.00%	1.80	223.00	2.00	681.00	80.60	0.70	43.50%	0.80%
HHV	Xây dựng	17.4	-0.60%	1.40	235.00	5.80	919.00	19.00	0.70	4.80%	4.20%
LCG	Xây dựng	13	-0.80%	2.10	101.00	2.90	482.00	26.90	1.00	3.10%	3.80%
BCM	KCN	66.7	-1.30%	0.70	2,825.00	0.70	418.00	159.60	3.90	2.70%	1.70%
HUT	KCN	23.5	0.00%	1.40	858.00	3.70	56.00	415.90	5.70	2.00%	1.30%
PHR	KCN	50.8	2.80%	1.20	282.00	1.10	6,568.00	7.70	2.00	15.40%	26.90%
SZC	KCN	40	2.70%	1.70	196.00	3.40	1,405.00	28.40	2.90	3.00%	10.90%
HSG	Vật liệu	19.6	-0.30%	2.40	495.00	4.60	(2,105.00)	-9.30	1.20	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	13.8	-1.10%	1.30	216.00	0.20	176.00	78.50	1.10	3.60%	1.30%
NKG	Vật liệu	20.6	1.20%	2.50	221.00	6.10	(2,655.00)	-7.70	1.10	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	58.2	0.00%	1.00	159.00	0.60	5,309.00	11.00	1.40	17.40%	13.40%
KSB	Vật liệu	29	0.00%	1.60	90.00	1.80	1,482.00	19.50	1.10	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	15	0.70%	2.00	1,193.00	9.10	(295.00)	-50.60	0.70	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	18.4	2.50%	2.80	458.00	10.70	(317.00)	-57.90	0.80	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	31.9	1.80%	1.40	176.00	3.30	2,190.00	14.60	2.30	2.00%	16.90%
DIG	BĐS	23.7	-0.40%	2.70	591.00	15.00	152.00	155.70	1.90	5.60%	1.10%
IJC	BĐS	14.4	0.00%	2.00	148.00	1.10	1,597.00	9.00	1.00	5.70%	10.90%
BSR	Dầu khí	21.2	1.40%	1.50	-	7.00	1,596.00	13.30	1.30	0.40%	9.70%
PVT	Dầu khí	30	2.40%	0.60	397.00	4.40	2,993.00	10.00	1.20	13.50%	16.40%
PLC	Vật liệu	34.3	-1.20%	1.50	113.00	0.20	1,353.00	25.30	2.20	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	24.4	-0.40%	1.00	119.00	0.50	1,980.00	12.30	1.70	11.50%	13.50%
REE	Tiện ích	62.8	-0.20%	0.70	1,050.00	0.80	6,445.00	9.70	1.30	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	21.5	0.50%	1.80	749.00	12.90	384.00	55.90	0.90	11.90%	5.40%
NT2	Tiện ích	24.8	0.00%	0.60	293.00	0.40	2,560.00	9.70	1.50	15.30%	16.20%
HDG	Bất động sản	28.3	0.40%	1.60	354.00	1.30	2,739.00	10.30	1.30	23.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	33.7	3.10%	1.40	373.00	5.50	944.00	35.70	1.60	5.60%	5.00%
GEG	Tiện ích	14.8	0.00%	0.70	207.00	0.40	636.00	23.30	0.90	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	9.3	-1.00%	2.60	203.00	2.60	(79.00)	-118.60	0.40	2.00%	0.30%
SAB	F&B	70.1	1.70%	0.30	3,679.00	1.70	3,518.00	19.90	3.70	62.30%	18.70%
QNS	F&B	49.6	-0.60%	0.50	-	1.50	4,965.00	10.00	2.30	16.20%	24.30%
FRT	Bán lẻ	97.4	1.50%	1.30	543.00	2.10	(327.00)	-297.60	8.30	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	60.7	0.00%	2.30	415.00	4.50	2,984.00	20.30	4.60	23.60%	21.90%
DBC	F&B	23	1.30%	2.00	229.00	3.70	551.00	41.90	1.20	5.90%	2.90%
PET	Bán lẻ	27.4	-0.40%	2.40	120.00	0.40	837.00	32.80	1.50	1.40%	5.70%
BAF	F&B	23.8	0.40%	0.80	140.00	1.40	1,225.00	19.40	2.00	0.10%	10.20%
ANV	Thủy sản	40.2	1.90%	1.60	219.00	4.10	2,162.00	18.60	2.00	3.90%	10.00%
VSC	Logistics	27.6	-0.20%	0.50	151.00	0.60	1,370.00	20.10	1.20	3.20%	7.90%
HAH	Logistics	40.8	1.60%	1.00	176.00	5.90	5,742.00	7.10	1.40	4.10%	24.60%
CTR	Công nghệ	81	0.00%	1.40	379.00	0.80	4,238.00	19.10	5.70	9.70%	32.10%
TNG	Dệt may	21.6	1.90%	1.30	100.00	3.70	2,353.00	9.20	1.60	21.50%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1 2 3 4 5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC

Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký